

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Anh Thư

Ông Nguyễn Chí C

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát— Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **243/2020/TLST-HNGĐ** ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Tiêu Thị Dạ T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Đường A, khu phố B, thị trấn B, huyện B, Long An. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Quốc C, sinh năm 1978. HKTT: Đường A, Khu phố B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Cư trú: Đường B, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tiêu Thị Dạ T trình bày: Bà T quen biết với ông C rồi được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, thị xã T, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số 01/2008. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc và có 02 con chung tên Phan Nam P, sinh ngày 24/8/2008, Phan P N, sinh ngày 12/12/2014. Đầu năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc, ông C không có việc làm, thu nhập trong gia đình do bà T làm ra. Ông C thỉnh thoảng có chửi bới, đánh đập bà T. Từ đầu năm 2019 đến đầu năm 2020, bà T dọn đến nhà em ruột ở xã Nh, huyện B, tỉnh Long An sống. Từ tháng 02/2020 đến nay, bà T dọn về ở chung cùng ông C. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nên bà T yêu cầu ly hôn với ông C. Bà T yêu cầu được

nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Phan Quốc C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Việc kết hôn, sống chung và có 02 con chung tên Phan Nam P, sinh ngày 24/8/2008, Phan P N, sinh ngày 12/12/2014 như bà T trình bày là đúng. Vợ chồng sống chung có mâu thuẫn nhỏ nhặt về tiền bạc, ông C thừa nhận thỉnh thoảng (khoảng 5-6 tháng) có la mắng, đập đồ đạc và xô xát với bà T nhưng không lớn. Quá trình từ khi chung sống đến nay vợ chồng xô xát khoảng 3 lần. Ông C làm nghề mua bán và có trả nợ cho bà T khoảng 230.000.000đ. Ông C xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý yêu cầu ly hôn. Trường hợp bắt buộc ly hôn thì ông C yêu cầu con cái được giải quyết như sau: Yêu cầu quyết định người nuôi con theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà T có đơn yêu cầu vắng mặt. Ông C vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tiêu Thị Dạ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Quốc C. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Quốc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông C không đến. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà T, xét thấy: Bà T quen biết với ông C rồi được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2008. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, thường xuyên cãi nhau. Ông C thỉnh thoảng có hành vi đánh đập, chửi bới bà T. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung tên Phan Nam P, sinh ngày 24/8/2008, Phan P N, sinh ngày 12/12/2014. Hiện nay, các cháu đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con, ông C đề nghị xem xét việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu P có nguyện vọng muốn sống với mẹ, hiện nay cháu P và cháu N đều sống với mẹ, phát triển tốt. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Nam P, sinh ngày 24/8/2008, Phan P N, sinh ngày 12/12/2014 cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Thị Dạ T đối với ông Phan Quốc C

Về hôn nhân: Bà Tiêu Thị Dạ T được ly hôn với ông Phan Quốc C.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Nam P, sinh ngày 24/8/2008, Phan P N, sinh ngày 12/12/2014 cho bà Tiêu Thị Dạ T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Phan Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Tiêu Thị Dạ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002116, ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà T đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thu